

Số: A04-JSGHRMA-2026-020

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2026

**CHIA SẺ NỘI BỘ**

# THÔNG BÁO

## VỀ VIỆC **BỔ SUNG** CHẾ ĐỘ

### **“TIỀN THƯỞNG SẢN PHẨM” DÀNH CHO BU2**

\*\*\*\*\*

- Căn cứ vào Bộ luật lao động số 10/2012/QH13;
- Nhằm cải tiến chế độ phúc lợi trong công ty, giúp cho việc tính toán số liệu được đơn giản hóa và chính xác hơn;
- Nhằm khuyến khích tinh thần CB-CNV trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, góp phần nâng cao năng suất hàng ngày;
- Sau khi đã thỏa thuận và thống nhất với đại diện Công đoàn và CBQL các BP-PX;
- Căn cứ vào quyền hạn BTGD.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC THÔNG BÁO:

Kể từ 21/03/2026 đến 30/04/2026, chế độ thưởng năng suất của BU2 sẽ được **bổ sung** theo quy định sau:

#### Điều 1. Các quy định chung:

##### 1.1 Thiết lập PPH/ giai đoạn/ giờ làm việc tiêu chuẩn:

- Thiết lập PPH: do BP ME của các BU;
- Phân chia giai đoạn: được chia thành 3 giai đoạn trong 1 tháng. Cứ 10 ngày 1 giai đoạn;
  - Giai đoạn 1: từ ngày 01 → hết ngày 10
  - Giai đoạn 2: từ ngày 11 → hết ngày 20
  - Giai đoạn 3: từ ngày 21 → hết ngày cuối cùng của tháng.
- Giờ làm việc tiêu chuẩn: do BP Điều phối các BU quy định.

##### 1.2 Quy định đối với CB-CNV thôi việc trong tháng:

- Chỉ được tính khi CB-CNV có số ngày làm việc trọn từng giai đoạn;
- Các trường hợp có số ngày làm việc không trọn 1 giai đoạn thì không có tiền thưởng cho giai đoạn không trọn đó.

##### 1.3 Quy định về tính tỷ lệ hàng bù

- “ $tỷ\ lệ\ bù = \frac{số\ hàng\ bù\ của\ tháng}{sản\ lượng\ tháng} * 100\%$ ”
- Hàng bù: là hàng phế do thao tác, hàng dự bù, hàng thất thoát
- BP Điều phối là đơn vị cung cấp số liệu hàng bù cho BP-PX

##### 1.4 Lưu trình thực hiện:

- Mục tiêu năng suất sau khi được chủ quản BU ký duyệt sẽ được công bố vào ngày 30 tây hàng tháng để áp dụng cho tháng sau;
- Vào cuối mỗi giai đoạn BP Điều phối gửi tỷ lệ % cho HR, HR cập nhật số tiền thưởng và gửi lại cho Trợ lý phân xưởng để tính tiền thưởng cho từng giai đoạn;
- Trợ lý sẽ thông báo cho CBQL chuyển số tiền đạt được của từng giai đoạn;
- CBQL thông báo cho CNV biết bằng hình thức: đọc loa, gửi vào nhóm zalo cho chuyên mà mình quản lý, dán bản tin của BP mình;
- Ngày làm việc thứ ba của tháng, trợ lý BP-PX sẽ chuyển danh sách đã được ký duyệt về cho BP HR;
- Tiền thưởng năng suất sẽ chi trả vào ngày 8 tây hàng tháng.

**Điều 2. Các quy định thưởng năng suất cho BP sản xuất khâu đầu:**

**2.1 Chức danh công việc được xét thưởng**

STT	Bộ phận	Công nhân sản xuất trực tiếp	Công nhân sản xuất GIÁN TIẾP/ Nhân viên	CBQL gián tiếp
1	BU2 Kéo lụa	Thợ Dập cắt Thợ Kéo lụa Thợ Bể hình Công nhân in chuyên Công nhân máy ép footbed Kéo lụa Công nhân máy ép nóng lạnh	Trợ lý phân xưởng, Trợ lý ERP, Dán liệu tổ bẻ hình, Phòng sơn, Phòng keo, phòng khuôn, quét xử lý, chỉnh lý, giao nhận dập cắt, kéo lụa, bẻ hình, lãnh liệu	CBQL gián tiếp: Tổ phó, Tổ trưởng Phó khối, Trưởng khối Chủ nhiệm

➢ Đối với công nhân dán định vị/ kiểm phẩm kéo lụa: 80% bình quân theo tiền thưởng thợ kéo lụa

**2.2 Cách tính sản lượng:**

*Sản lượng tháng = sản lượng giai đoạn 1 + sản lượng giai đoạn 2 + sản lượng giai đoạn 3*

Trong đó sản lượng 1 giai đoạn = sản lượng bình quân 10 ngày của giai đoạn đó.

**2.3 Tiền thưởng:**

Tiền thưởng	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III	Tiền thưởng năng suất tháng
Năng suất				
≥ 110%	500,000	500,000	500,000	I + II + III
105% → 109.9%	400,000	400,000	400,000	
100% → 104.9%	300,000	300,000	300,000	
95% → 99.9%	250,000	250,000	250,000	
90% → 94.9%	200,000	200,000	200,000	
85% → 89.9%	100,000	100,000	100,000	
<b>70% → 84.9%</b>	<b>80,000</b>	<b>80,000</b>	<b>80,000</b>	

**2.4 Cách trừ tiền vượt định mức tỷ lệ bù**

Nếu vượt tỷ lệ quy định sẽ trừ tiền, số tiền trừ như sau

Mức độ	Thợ Dập cắt		Thợ Bể hình Thợ máy ép footbed/ máy ép nóng lạnh		Thợ: Kéo lụa/ in chuyên	
	Tỷ lệ bù	Trừ tiền	Tỷ lệ bù	Trừ tiền	Tỷ lệ bù	Trừ tiền
	0.2%	0	0.5%	0	1.0%	0
1	0.21% → 0.49%	50.000	0.51% → 0.79%	50.000	1.01% → 1.49%	50.000
2	0.50% → 0.69%	80.000	0.8% → 0.99%	80.000	1.50% → 1.99%	80.000
3	Trên 0.7%	100.000	Trên 1.0%	100.000	Trên 2.0%	100.000

**2.5 Hệ số:**

- Được áp dụng cho CBQL gián tiếp
- Năng suất được tính bình quân theo:
  - Theo BP quản lý: nhóm CBQL cấp tổ
  - Theo BU: nhóm CBQL cấp khối/ chủ nhiệm

Chức vụ	Năng suất	Hệ số
Nhóm gián tiếp sản xuất		1.0
Tổ phó, tổ trưởng		2.0
Phó khối, Trưởng khối, Chủ nhiệm	≥ 90%	3.0
	< 89.9%	0

**2.6 Công thức tính tiền thưởng năng suất.**

- Nhóm trực tiếp:

*Số tiền thưởng của bản thân / số giờ làm việc tiêu chuẩn \* số giờ làm việc bản thân*

- Nhóm gián tiếp:

“*Bình quân % số tiền thưởng của BP \* hệ số/ số giờ làm việc tiêu chuẩn \* số giờ làm việc bản thân*”

Trong đó: số tiền thưởng của bản thân, bình quân số tiền thưởng của bộ phận là số tiền đã được trừ tiền vượt mức tỷ lệ bù.

### Điều 3. Quy định tiền thưởng năng suất cho các chuyên sản xuất:

#### 3.1 Chức danh công việc được xét thưởng:

STT	Bộ phận	Công nhân sản xuất trực tiếp	Công nhân sản xuất Gián tiếp/ Nhân viên	CBQL gián tiếp
1	BU2 Văn phòng		Điều Phối Kho vật liệu Đặt hàng sản xuất QIP (trừ CBQL & nhân viên phòng Lab) Cơ Điện BU2	CBQL gián tiếp: Tổ phó, Tổ trưởng Phó khối, Trưởng khối Chủ nhiệm
2	BU2 BB	Công nhân trực tiếp trên chuyên sản xuất (thành hình, may, dán, đóng gói)	Trợ lý phân xưởng, Trợ lý ERP, Tổ Đóng thùng Kho thành phẩm Khâu mài các mã mài trước Quét keo, quét xử lý thuốc phòng keo, Thợ pha sơn	
3	BU2 BB	Thợ Dập (chuyên giày & chuyên may 2D)	Giao nhận dập cắt	

#### 3.2 Cách tính sản lượng:

*Sản lượng tháng = sản lượng giai đoạn 1 + sản lượng giai đoạn 2 + sản lượng giai đoạn 3*

Trong đó sản lượng 1 giai đoạn = sản lượng bình quân 10 ngày của giai đoạn đó

#### 3.3 Tiền thưởng:

Tiền thưởng	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III	Tiền thưởng năng suất tháng
Năng suất				I + II + III
≥ 110%	500,000	500,000	500,000	
105% → 109.9%	400,000	400,000	400,000	
100% → 104.9%	300,000	300,000	300,000	
95% → 99.9%	250,000	250,000	250,000	
90% → 94.9%	200,000	200,000	200,000	
85% → 89.9%	100,000	100,000	100,000	
70% → 84.9%	80,000	80,000	80,000	

#### 3.4 Cách trừ tiền vượt định mức tỷ lệ bù

- Nếu vượt tỷ lệ quy định sẽ trừ tiền, số tiền trừ như sau:

Mức độ	Thợ Dập cắt		Chuyên may		Chuyên thành hình	
	Tỷ lệ bù	Trừ tiền	Tỷ lệ bù	Trừ tiền	Tỷ lệ bù	Trừ tiền
	0.2%	0	0.3%	0	0.5%	0
1	0.21% → 0.49%	50.000	0.31% → 0.59%	50.000	0.51% → 0.79%	50.000
2	0.50% → 0.69%	80.000	0.6% → 0.79%	80.000	0.8% → 0.99%	80.000
3	Trên 0.7%	100.000	Trên 0.8%	100.000	Trên 1.0%	100.000

#### 3.5 Hệ số:

- Được áp dụng nhóm gián tiếp:
- Năng suất được tính bình quân theo:
  - Theo BP quản lý: CBQL cấp tổ
  - Theo BU làm việc: nhân viên văn phòng, công nhân sản xuất gián tiếp, CBQL cấp khối/ chủ nhiệm

		Chức danh công việc	Năng suất	Hệ số
1	Gián tiếp	Nhân viên văn phòng công nhân sản xuất	$\geq 90\%$	1.0
			85 - 89.9%	0.5
			$< 84.9\%$	0
2	CBQL	Tổ phó, tổ trưởng Phó khối, Trưởng khối, Chủ nhiệm	Theo thực tế	2
			$\geq 90\%$	3.0
			$< 89.9\%$	0

### 3.6 Công thức tính tiền thưởng năng suất

- Nhóm trực tiếp:

Số tiền thưởng của chuyên / số giờ làm việc tiêu chuẩn \* số giờ làm việc bản thân

- Nhóm gián tiếp:

"Bình quân số tiền thưởng của bộ phận \* hệ số / số giờ làm việc tiêu chuẩn \* số giờ làm việc bản thân"

Trong đó số tiền thưởng của chuyên, bình quân số tiền thưởng của bộ phận là số tiền đã được trừ tiền vượt mức tỷ lệ bù.

**Điều 4.** Tiền thưởng chỉ tiêu chiến lược trọng điểm sẽ không áp dụng đối với trường hợp đạt hiệu suất từ 70% -> 84.9%

### Điều 5. Tiền thưởng hiệu suất Top 5

- Ngoài tiền thưởng năng suất trên, còn thưởng thêm 100.000 VND\* CB-CNV/ mỗi giai đoạn, dành cho top 5 cá nhân (BP sản xuất khâu đầu) và top 5 chuyên sản xuất đáp ứng đủ 2 điều kiện sau:

- Đạt sản lượng mục tiêu trên 85% trở lên.
- Sản lượng đã cải thiện, đạt trên 10% so với giai đoạn II (11/03 – 20/03).

- Ví dụ:

	Giai đoạn II (11/03-20/03)	Giai đoạn III (21/03 -31/03)	Giai đoạn I (01/04 -10/04)	Giai đoạn II (11/04 – 20/04)	Giai đoạn III (21/04 – 30/04)
Chuyên A1	85%	96%	94%	106.5%	100%

Giai đoạn	% chênh lệch	Tiền thưởng tiền bộ
Giai đoạn III (21/03 -31/03)	96% -85% = 11%	100.000 VND
Giai đoạn I (01/04 -10/04)	94% - 85% = 9%	0
Giai đoạn II (11/04 – 20/04)	106.5%- 85% = 21.5%	100.000 VND
Giai đoạn III (21/04 – 30/04)	100% - 85% = 15%	100.000 VND

- Trường hợp có khác biệt trong cách hiểu về nội dung của thông báo này, công ty có quyền quyết định và giải thích cuối cùng.

Thông báo này được phổ biến đến toàn thể CB-CNV trong Công ty biết và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi gửi:**

- Các BP-PX;
- Lưu.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 總經理部		
PHÓ TỔNG BU BU-2	HIỆP LÝ ADM	TỔNG GIÁM ĐỐC General Manager
 30/31/26		
YANG, MING TA	CHUANG, CHIH CHIANG	SHIH, WUU TYAN



QUY ĐỊNH VỀ VIỆC PHỔ BIẾN THÔNG TIN 資訊發佈規定		
Số tt 次序	Các hình thức thông tin 發佈方式	BP-PX phụ trách 負責的部門現場
1	Gửi e mail 發送 email	HR 人資部門
2	Dán bảng tin 張貼於公佈欄	BP-PX/ Công đoàn 部門現場/工團
3	Họp phổ biến trực tiếp 直接開會發佈	HR/ BP-PX/ Công đoàn 人資部門/ 部門現場/工團
4	Phát thanh tại BP-PX 車間廣播	BP-PX 部門現場
5	Phát thanh tại nhà ăn 餐廳廣播	Hành chánh 行政

LỊCH SỬ TÀI LIỆU 歷史資料

Ngày 日期	Số thông báo 通告號	Nội dung 內容
21/03/2026	A04-JSGHRMA-2026-020	Bổ sung tiền thưởng năng suất cho BU2
01/02/2025	A04-JSGHRMA-2025-014	Điều chỉnh tiền thưởng năng suất JH-JT và hủy toàn bộ các thông báo liên quan đến nội dung “thưởng năng suất” đã ban hành trước đây.
01/12/2023	556	Nội dung thay đổi: 1.2 Chế độ “Tiền thưởng năng suất” cho CB-CNV ở các chuyên sản xuất và gián tiếp sản xuất của BU1 và BU2. Riêng cán bộ hải ngoại, CBQL khối văn phòng, nhân viên khối văn phòng ngoại trừ 1 số bộ phận thì sẽ không được hưởng chế độ này. 1.3 Nhân viên văn phòng gián tiếp QIP (Không bao gồm CBQL và nhân viên phòng Lab). 2.1 Bộ phận ME của các BU sẽ thiết lập PPH.
01/09/2020	322	Ban hành lần 01



